

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (RUDECEN)

GS. NGUYỄN TRẦN TRỌNG

Những mô hình kinh tế
**HỘ NÔNG DÂN MIỀN NÚI
ĐI LÊN SẢN XUẤT
HÀNG HOÁ**



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Công cuộc đổi mới kinh tế của đất nước đã có tác động sâu, rộng đến mọi lĩnh vực kinh tế, làm cho nền kinh tế của nước ta không ngừng phát triển. Đối với nông, lâm nghiệp sự đổi mới đó đã tác động đến nhiều vùng, nhiều ngành và đến tận từng hộ gia đình ở khắp mọi miền của đất nước. Đến nay, nhiều hộ nông dân của hầu hết các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc đã chuyển lên sản xuất hàng hoá với nhiều trình độ, nhiều hình thức tổ chức khác nhau, với mức thu nhập khác nhau, đã đánh dấu một bước tiến mới trong nông nghiệp nông thôn miền núi. Hầu hết các hộ nông dân đều khẳng định rằng "muốn giàu phải sản xuất hàng hoá".

Để có cơ sở nghiên cứu, tham khảo cách làm giàu của một số hộ nông dân miền núi phía Bắc, Nhà xuất bản Nông nghiệp xuất bản cuốn: "Những mô hình kinh tế hộ nông dân miền núi đi lên sản xuất hàng hoá" của giáo sư Nguyễn Trần Trọng ở Trung tâm tư vấn và dịch vụ khoa học phát triển nông thôn.

Cuốn sách giới thiệu với bạn đọc 20 cách làm giàu bằng sản xuất hàng hoá khác nhau của 20 hộ nông dân thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc. Từ đó tác giả có những nhận xét khái quát về cách tổ chức sản xuất hàng hoá của các hộ, đồng thời có những khuyến nghị với Nhà nước, các cấp, các ngành những vấn đề cần được

tháo gỡ, giúp đỡ nông dân tăng cường phát triển sản xuất hàng hoá hơn nữa.

Cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết, Nhà xuất bản mong nhận được những ý kiến phê bình sách của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

Phần I

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN LÊN SẢN XUẤT HÀNG HOÁ Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Miền núi phía Bắc nước ta bao gồm 2 vùng Đông Bắc và Tây Bắc có các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái và Quảng Ninh với diện tích tự nhiên là 8,9 triệu ha bằng 27% tổng diện tích tự nhiên cả nước; với số dân là 6,5 triệu người bằng 9,63% dân số cả nước. Dân tộc ít người là 3,9 triệu người chiếm 60% dân số toàn miền và người kinh có 2,6 triệu người bằng 40% dân số toàn miền núi phía Bắc. Trong quá trình chuyển lên sản xuất hàng hoá có những thuận lợi và khó khăn nhất định sau :

I. NHỮNG THUẬN LỢI

1. Về vị trí địa lý

-Miền núi phía Bắc giáp với nước Lào và Trung Quốc, có đường biên giới dài 2.118 km. Dọc đường biên giới có một hệ thống cửa khẩu, chợ biên, các thị xã, thị trấn, thị tứ là những tụ điểm kinh tế biên giới lớn, nhỏ khác nhau như thị xã Móng Cái, thị xã Lạng Sơn, phố Kỳ Lừa, cửa khẩu Chi Ma, Tân Quang (Lạng Sơn); thị xã Lào Cai, phố Lu (Lào Cai), Thanh Thủy (Hà Giang) v.v... Việc giao lưu kinh tế của nhân dân vùng biên đã có từ lâu đời và ngày càng phát triển, đặc biệt trong thời kỳ kinh tế mở. Điều này có tác dụng đến việc chuyển lên nền sản xuất hàng

hoá của một bộ phận dân cư ở miền núi phía Bắc. Họ tiếp nhận những thông tin mới về thị trường, về tiến bộ khoa học công nghệ, về tiêu thụ những nông, lâm sản trong vùng và bán lại những sản phẩm cần thiết cho sản xuất và đời sống của dân cư vùng biên. Ở vùng biên, không chỉ có sự giao lưu kinh tế mà giao lưu văn hoá và quan hệ xã hội vốn có lâu đời giữa nhân dân hai bên biên giới rất mạnh mẽ, ngay cả trong những điều kiện chiến tranh biên giới xảy ra, vì ở đây những quan hệ dòng họ, quan hệ gia đình luôn luôn được duy trì bền vững.

- Miền núi phía Bắc nằm tiếp giáp với vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ. Trên vùng giáp ranh đã hình thành những thành phố, thị xã, thị tứ, thị trấn tụ điểm kinh tế từ lâu đời và đang trên đường phát triển theo quá trình đô thị hoá. Những nơi này là tụ điểm giao lưu kinh tế, văn hoá giữa 2 miền xuôi ngược như thành phố Hạ Long, thị xã Quảng Yên, thành phố Hải Phòng, thị xã Uông Bí, thị trấn Chí Linh, thị trấn Phả Lại, thị xã Bắc Giang, thị xã Bắc Ninh, thị trấn An Châu (Sơn Động), thị trấn Kép, Vôi (Lục Ngạn), Nhà Nam (Tân Yên), thành phố Việt Trì v.v... Những đô thị lớn, nhỏ nằm trên vùng giáp ranh bao quanh lấy miền núi phía Bắc là thị trường tiêu thụ và trao đổi những lâm, nông sản phẩm, từ biên giới về xuôi và cung cấp những sản phẩm từ đồng bằng lên miền núi và biên giới. Điều này đã thúc đẩy cho nền sản xuất hàng hoá của nông thôn miền núi phía Bắc.

- Miền núi phía Bắc nằm trên những trục đường giao thông lớn từ đồng bằng chạy lên các tỉnh lỵ và tỏa ra các huyện lỵ, các đô thị lớn, nhỏ của miền núi đồng thời chạy

về các biên giới, các cửa khẩu, các chợ biên như đường quốc lộ 1A, quốc lộ 2, quốc lộ 6, quốc lộ 18, quốc lộ 32 v.v. đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Lào Cai v.v. Đường thủy cũng bắt nguồn từ miền núi như : sông Hồng, sông Đà, sông Thao, sông Lục Đầu. Các trục giao thông thủy bộ này nối liền miền núi với các biên giới về đồng bằng, về các thành phố, thị xã, thị trấn, các khu công nghiệp lớn và về cả các cảng lớn như Hải Phòng v.v... Hệ thống giao thông này cũng góp phần phát triển nền sản xuất hàng hoá trong nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Rõ ràng, miền núi phía Bắc có một vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nói chung, trong nông nghiệp và nông thôn nói riêng. Đó là một lợi thế so sánh của miền núi phía Bắc mà các miền núi khác trong nước bị hạn chế.

2. Về tài nguyên đất nông nghiệp và đất rừng

Miền núi phía Bắc có 899.000 hecta đất nông nghiệp, chiếm 12,9% tổng số đất nông nghiệp trong cả nước và bằng 10% diện tích tự nhiên toàn miền. Diện tích đất nông nghiệp bình quân trên đầu người ở miền núi phía Bắc là 1.390 m^2 trong khi đó bình quân cả nước là 1.290 m^2 trong năm 1991 ⁽¹⁾ : đồng bằng Bắc bộ - 712 m^2 ; khu Bốn cũ - 976 m^2 ; duyên hải miền Trung - 1.035 m^2 ; Tây Nguyên - 1.984 m^2 ; Đông Nam bộ - 1.917 m^2 ; đồng bằng sông Cửu Long - 2.084 m^2 . Miền núi phía Bắc có diện tích đất lúa là 440.700 ha chiếm gần 7% diện tích đất lúa cả nước.

(1) Số liệu thống kê nông, lâm, ngư nghiệp Việt Nam 1976 - 1991
Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội, 1992

Diện tích đất lúa bình quân trên đầu người chỉ có 680 m², cả nước - gần 1.000 m². Cần lưu ý rằng đất trồng lúa ở miền núi phía Bắc phần lớn là 1 vụ, nên bình quân diện tích gieo trồng lúa trên đầu người chỉ bằng 50% bình quân của cả nước.

Đất miền núi phía Bắc gồm các loại : đất feralit, đất alit, đất phù sa... Nhưng đất feralit là phổ biến nhất, trong đó loại đất feralit vàng tập trung ở các vùng thấp của Cao Bằng, Tuyên Quang, các thung lũng sông Hồng, sông Đà; đất feralit vàng đỏ thứ sinh phân bố tập trung ở Lạng Sơn, Quảng Ninh; loại vàng đỏ có mùn trên dãy núi cao của Sơn La, Lai Châu, Lạng Sơn, Tây Nam Cao Bằng... Đất alit với diện tích nhỏ chủ yếu tìm thấy ở các đỉnh núi cao.

Đất phù sa hình thành ở các ven sông, suối và ở các thung lũng, các bồn địa giữa các dãy núi thường bất gập ở Tuyên Quang, Nghĩa Lộ, Lai Châu. Loại đất này rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp.

Miền núi phía Bắc có diện tích đất rừng là 4,9 triệu ha bằng 25% diện tích đất rừng cả nước. Đất có rừng chỉ còn bằng 13% của cả nước. Rừng trồng gần 314.500 ha bằng 50% rừng trồng cả nước. Đất không có rừng chiếm gần 38% diện tích đất không có rừng cả nước.

Nhìn chung, tài nguyên đất của miền núi phía Bắc có khả năng đưa vào sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp còn lớn, thích hợp với phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, trồng rừng lấy gỗ và nguyên liệu giấy, sợi, cây dược liệu, cây đặc sản. Trong rừng tự nhiên có nhiều thực vật và động vật quý.

Tài nguyên đất đai là một điều kiện tiên quyết cho phép nông dân miền núi đi lên con đường sản xuất hàng hoá tương đối thuận lợi so với những vùng tài nguyên đất đai hạn hẹp.

3. Về tài nguyên khí hậu

Khí hậu miền núi phía Bắc nhiệt đới gió mùa, nhưng pha trộn ít nhiều khí hậu á nhiệt đới và ôn đới, có mùa đông lạnh kéo dài ở các vùng cao. Ở đây có tập đoàn cây trồng vùng ôn đới như táo, lê, mận, đào và các cây trồng á nhiệt đới như chè, cam, quýt; tập đoàn cây dược liệu quý hiếm như tam thất, đỗ trọng v.v... Nhiều vùng tiểu khí hậu xuất hiện, nên thường có những loại đặc sản như đào Sa Pa, mận hậu Bắc Hà, dẻ Cao Bằng, hồi Lạng Sơn, chè Suối Giàng, chè Tân Cương v.v... Khí hậu lạnh và kéo dài kết hợp với độ cao tạo ra những đặc sản có chất lượng cao như loại chè Shall Suối Giàng, chè Shall Thông Nguyên; cà phê arabica Bắc bộ v.v... Những vật nuôi có nguồn gốc ôn đới phát triển tốt ở một số vùng miền núi phía Bắc như bò sữa Hà Lan ở Mộc Châu, bắp cải ở Sa Pa.

Tài nguyên khí hậu ở miền núi phía Bắc cũng tạo điều kiện cho phát triển các trung tâm nghỉ mát tốt như Sa Pa, Bắc Hà. Điều này cùng với cảnh quan đẹp và nền văn hoá dân tộc ít người đã tạo ra sự hấp dẫn cho ngành du lịch.

Tài nguyên khí hậu miền núi phía Bắc là một cơ sở tự nhiên thuận lợi cho sự phân công lao động xã hội, cơ sở cho nền sản xuất hàng hoá. Chúng ta cần nghiên cứu và tận dụng nó trong nền kinh tế thị trường.

4. Về tài nguyên khoáng sản và thủy năng

Tài nguyên khoáng sản của miền núi phía Bắc chiếm vị trí lớn trong cả nước gồm các mỏ chì, kẽm, vàng, thiếc, sắt, niken, boxit, đồng, các loại đá quý, than, apatit v.v... Trên cơ sở tài nguyên khoáng sản, ngành công nghiệp khai khoáng đã hình thành và phát triển mạnh, cùng với việc đó đã hình thành các khu công nghiệp lớn : khu công nghiệp than Hồng Quảng (trữ lượng than ở miền núi phía Bắc là 2,1 tỷ tấn bằng 98% trữ lượng than cả nước), khu công nghiệp apatit Lào Cai. Miền núi phía Bắc là vùng có lượng mưa lớn, có nhiều sông suối với địa hình có độ dốc cao tạo ra một nguồn thủy năng lớn, đạt đến 54 tỷ kwh bằng 60% trữ năng thủy điện cả nước. Nhiều nhà máy thủy điện lớn đã được xây dựng như Thác Bà, sông Đà. Các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ có thể phát triển rộng khắp. Các nguồn tài nguyên trên phát huy tác dụng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình chuyển lên sản xuất hàng hoá của nông dân miền núi phía Bắc.

5. Về dân số và nguồn lao động

Như trên đã trình bày, dân số của miền núi phía Bắc có 6,5 triệu người trong đó dân tộc ít người có 3,9 triệu gồm 31 dân tộc khác nhau. Dân tộc ít người có số lượng lớn như Tày - 1.092.620 người; Thái - 605.214 người; Nùng - 599.458 người; H'Mông - 531.858 người; Dao - 439.674 người. Những dân tộc có số lượng ít như : PuPéo - 363 người; Silo - 496 người; Ngái - 737 người ⁽¹⁾.

(1) Trích từ "Những biến đổi về kinh tế - văn hóa ở các tỉnh miền núi phía Bắc" NXBKHXH - 1993. tr. 20